

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa học Giáo dục; Chuyên ngành: Giáo dục quốc tế và Phát triển bền vững.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LƯƠNG MINH PHƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 04/11/1978.....; ☐ Nam ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5/Ngách 7, Ngõ 643 Đường Phạm Văn Đồng, Cỗ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ:

✂ Địa chỉ: Lương Minh Phương, 1608 V4 Homecity, 177 Trung Kính, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội

✂ Điện thoại di động: 0919646713;

✂ E-mail: lm.phuong@vju.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, cơ quan
8/2001-3/2004	Cán bộ dự án Chương trình phát triển giáo dục tiểu học (PEDP) của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Cơ quan hỗ trợ phát triển Nhật Bản (JICA)
3/2004-12/2004	Cán bộ quản lý Dự án phát triển đường ưu tiên cho xe buýt nhanh (BRT) của Ngân hàng thế giới (WB)
1/2005-6/2010	Cán bộ quản lý Chương trình/Dự án phát triển giáo dục của tổ chức ActionAid International Vietnam
7/2010-10/2010	Học tiếng Đức ở Viện Goeth tại Freiburg (CHLB Đức) theo chương trình tiến sĩ Học bổng chính phủ Đức (DAAD)
11/2010-4/2015	Nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học giáo dục và Phương pháp xã hội – Trường đại học Rostock (CHLB Đức)
5/2015-1/2017	Cán bộ Nghiên cứu tại Trung tâm dự báo và phân tích phát triển nguồn nhân lực – Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
2/2017 – 8/2022	Giảng viên tại Khoa Quốc tế học – Trường Đại học Hà Nội
9/2022- 8/2023	Cán bộ nghiên cứu tại Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
9/2023- nay	Giảng viên, điều phối viên Khoa Khoa học xã hội liên ngành, Trường Đại học Việt Nhật (Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chức vụ hiện nay: Điều phối viên Chương trình thạc sĩ Lãnh đạo toàn cầu; Chức vụ cao nhất đã qua: Cán bộ quản lý dự án;

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Việt Nhật (Đại học Quốc gia Hà Nội)

Địa chỉ cơ quan: Đường Lưu Hữu Phước, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (+84) 966 954 736 / (+84) 969 638 426 / 024.7306.6001

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 3 năm 2001; số văn bằng: 300639; ngành: Kinh tế đối ngoại; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội.



- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 12 năm 2005; số văn bằng: 0296; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 4 năm 2015; số văn bằng: N/A.; ngành: Khoa học Giáo dục; chuyên ngành: Khoa học Giáo dục và Phương pháp Xã hội; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Rostock (CHLB Đức).

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Giáo dục.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Quốc tế hoá giáo dục đại học*: xây dựng mô hình quốc tế hoá phù hợp với bối cảnh Việt Nam, đặc biệt chú trọng quốc tế hóa tại chỗ (*internationalisation at home*) nhằm đảm bảo mọi sinh viên được tiếp cận môi trường giáo dục đa văn hoá và chuẩn quốc tế. Nội dung nghiên cứu gồm: (i) phát triển năng lực thích ứng liên văn hoá cho cả giảng viên và sinh viên thông qua các chương trình giảng dạy có yếu tố toàn cầu, tiếp cận xuyên ngành, và phản ánh đa dạng văn hoá; (ii) tăng cường năng lực chủ thể của giảng viên trong các chương trình đào tạo quốc tế bao gồm khả năng thiết kế và giảng dạy theo hướng đáp ứng văn hoá (*culturally responsive teaching*); (iii) thiết kế và thúc đẩy các sáng kiến/chương trình quốc tế hoá tại chỗ như hợp tác học thuật trực tiếp và trực tuyến xuyên quốc gia, thu hút giảng viên/sinh viên quốc tế sang trao đổi học thuật tại Việt Nam; (iv) đánh giá tác động của quốc tế hoá giáo dục đến chất lượng đào tạo, công bằng trong tiếp cận cơ hội học tập quốc tế; (v) đảm bảo các điều kiện thể chế (gồm chính sách, điều kiện dạy & học, cơ hội phát triển chuyên môn...) thực hiện quốc tế hoá giáo dục hiệu quả.

- *Giáo dục vì sự phát triển bền vững (SDGs)*: trọng tâm thúc đẩy công bằng trong giáo dục, nâng cao chất lượng dạy - học nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), cụ thể: (i) nghiên cứu & xây dựng chính sách và sáng kiến giáo dục góp phần thúc đẩy phát triển bền vững thông qua việc lồng ghép các giá trị bền vững vào nội dung và hoạt động giáo dục; (ii) cải thiện phương pháp giảng dạy & tăng cường tính chủ thể của giáo viên theo hướng đảm bảo mọi học sinh/sinh viên đều có cơ hội học tập công bằng và bình đẳng; (iii) nâng cao năng lực tiếp cận sinh kế & việc làm bền vững (*decent work*) cho phụ nữ và thanh niên, đặc biệt các nhóm yếu thế (như người dân tộc thiểu số, LGBT+...) thông qua đào tạo kỹ năng số, kỹ năng xanh, năng lực thích ứng và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **05** đề tài, trong đó **01** đề tài cấp quốc gia, **03** đề tài cấp Bộ (gồm 1 đề tài làm chủ nhiệm và 2 đề tài là thành viên chính), **01** đề tài quốc tế;
- Đã công bố (số lượng): **30** bài báo khoa học, trong đó **17** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (gồm **10** BBKH ISI/Scopus, trong đó **02** BBKH ISI là tác giả chính sau TS) và **13** bài báo trên tạp chí uy tín trong nước (trong đó **11** bài là tác giả chính).
- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **12**, trong đó gồm: **03** sách chuyên khảo (02 cuốn đồng chủ biên và 01 cuốn đồng tác giả) với nhà xuất bản trong nước uy tín như NXB Giáo dục Việt Nam và NXB Đại học Sư phạm, tác giả của **09** sách phục vụ cho giáo dục ở các vùng khó khăn do các cơ quan nhà nước và tổ chức quốc tế đặt hàng;
- Là tác giả chính (tác giả đầu và tác giả liên hệ) của **02** Chương sách được xuất bản bởi nhà xuất bản quốc tế uy tín (Springer, Routledge), và là tác giả của **01** Chương sách với NXB uy tín trong nước (NXB Dân trí),
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Trường Đại học Hà Nội về phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2020.
- Bằng khen của Đại học Quốc gia Hà Nội về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2024.
- Khen thưởng giảng viên hoàn thành vượt mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021, 2022 của Trường đại học Hà Nội.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong quá trình công tác với vai trò giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục tại các cơ sở đào tạo đại học, tôi luôn giữ vững tinh thần cầu thị, chủ động học tập, nghiên cứu và rèn luyện để không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, đồng thời duy trì và phát huy phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Tôi luôn thể hiện sự tận tâm, gương mẫu và chủ động trong việc

đồng hành, hỗ trợ người học suốt quá trình đào tạo. Với nhận thức sâu sắc rằng học tập và nghiên cứu là quá trình liên tục, suốt đời, tôi đặc biệt chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường tính tương tác nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo.

Bên cạnh giảng dạy, tôi tích cực tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo ở cả bậc đại học và sau đại học. Gần đây, tôi là chủ trì đề án mở ngành Quốc tế học với chương trình “Đổi mới và Phát triển Toàn cầu” giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh (Quyết định số 1270/QĐ-ĐHVN, ngày 20/11/2024). Trước đó, tôi cũng là thành viên Ban xây dựng chương trình Thạc sĩ Chính sách công tại Trường Đại học Hà Nội (QĐ số 275/QĐ-ĐHHN, ngày 08/02/2018), và tham gia với tư cách thành viên thực hiện chính trong đề án mở ngành đại học - ngành Nghiên cứu phát triển, giảng dạy bằng tiếng Anh. Các đóng góp chuyên môn của tôi đã được hội đồng thẩm định ghi nhận và đưa vào triển khai thực tiễn.

Cùng với công tác đào tạo, tôi luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho nghiên cứu khoa học với mục tiêu gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, phục vụ hiệu quả hoạt động giảng dạy và cung cấp tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên sau đại học và giới nghiên cứu. Là nghiên cứu viên tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo), tôi đã tham gia các đề tài cấp Bộ, đồng thời trực tiếp đóng góp vào quá trình tư vấn và đề xuất chính sách trong các lĩnh vực như đổi mới chương trình giáo dục, phát triển đội ngũ, giáo dục vì sự phát triển bền vững, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Ngoài các hoạt động chuyên môn trong nước, tôi cũng tích cực phát triển hợp tác quốc tế thông qua các chương trình giảng dạy, nghiên cứu và dự án phối hợp với các cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu tại Đức, Hoa Kỳ, Úc, Vương quốc Anh, Ireland và Nhật Bản. Tôi đồng thời hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNICEF, UNESCO, Save the Children, Plan International... trong các sáng kiến về phát triển chương trình, đào tạo giáo viên, thúc đẩy giáo dục lấy người học làm trung tâm, bình đẳng giới và phát triển bền vững.

Với tinh thần trách nhiệm, sự nghiêm túc và cam kết phát triển nghề nghiệp lâu dài, tôi đã nhận được sự tin nhiệm từ người học, đồng nghiệp và cộng đồng học thuật. Tôi luôn lấy giá trị giáo dục nhân văn làm nền tảng, đề cao chất lượng đào tạo, tôn trọng nhân cách người học và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm 4 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	-	-	-	1	332,5	0	332,5/420,1/270
2	2018-2019	-	-	-	1	270	0	270/339,8/270
3	2019 - 2020	-	-	-	2	286	30	316/411,5/270
4	2020 - 2021	-	-	-	1	423	55	478/552,1/270
5	2021-2022	-	-	-	2	310,4	0	310,4/501,6/330
03 năm học cuối								
6	2022-2023	-	-	1	-	-	15	15/70/135
7	2023-2024	-	-	-	-	-	147,59	147,59/208,49/204,7
8	2024-2025	-	-	4	1	-	225,38	225,38/532,28/229,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS hoặc luận án TS ☒ ; tại nước: CHLB Đức, năm 2015.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Giảng dạy Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quốc tế học bằng tiếng Anh ở Trường Đại học Hà Nội (từ năm 2017-2022);

+ Giảng dạy Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (Chương trình Lãnh đạo toàn cầu, Chương trình chính sách công, Chương trình quản trị kinh doanh...) bằng tiếng Anh của Trường Đại học Việt Nhật.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. **Tiếng Anh** (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Vân Anh		x	x		2022-2024	Trường Đại học Hà Nội	Số hiệu: MA000315, cấp ngày 8/11/2024 Quyết định số 493/QĐ-ĐHHN ngày 25/2/2022
2	Lê Thị Hải Thanh		x	x		2024-2025	Trường Đại học Việt Nhật	Số hiệu: QM045349, cấp ngày, 12/02/2025; Quyết định số 119/QĐ-ĐHVN ngày 12/2/2025
3	Phạm Mai Phương		x	x		2024-2025	Trường Đại học Việt Nhật	Xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn thành công 25/6/2025
4	Nguyễn Gia Viễn		x	x		2024-2025	Trường Đại học Việt Nhật	Xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn thành công 25/6/2025
5	Đặng Ngọc Đoan		x	x		2024-2025	Trường Đại học Việt Nhật	Xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn thành công 25/6/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Education in Vietnam: Making haste slowly	CK	Routledge (2/8/2024) ISBN: 978-1-032-28834-5 (pbk) ISBN: 978-1-003-29870-0 (ebk) DOI: 10.4324/9781003298700	2	Hayden, M. and Tran, L.T. (eds.)	Chương 17 “Equity in Vietnam’s education system: the case of ethnic minorities”, Tr.221-234	Giấy xác nhận sử dụng chương sách phục vụ cho các chương trình đào tạo ngày 11/06/2025 của Trường đại học Việt Nhật
2	Student agency and self-formation in higher education	CK	Palgrave Macmillan (29/11/2023) Print ISBN: 978-3-031-44884-3 ISBN (eBook): 978-3-031-44885-0	3	Yusuf Ikbal Oldac, Lili Yang, Soyoun Lee	Chương 5 “Student agency and becoming in internationalized programs in Vietnamese universities”, Tr.117-142	Giấy xác nhận sử dụng chương sách phục vụ cho các chương trình đào tạo ngày 11/06/2025 của Trường đại học Việt Nhật
3	Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện: Lý luận, thực trạng và giải pháp xây dựng ở các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	CK	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ISBN: 978-604-0-32936-3 Giấy phép xuất bản: 1562-2022/CXBIP H/2-1098/GD ngày 04/11/2022	6	Nguyễn Thị Mỹ Trinh – Nguyễn Hồng Thuận	2 Chương (Chương 1 và Chương 2) từ Tr.9-132	Giấy xác nhận sử dụng sách phục vụ các chương trình đào tạo ngày 11/06/2025 của Trường đại học Việt Nhật
4	Tích hợp giáo dục đa văn hoá trong thực hiện	CK	Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội.	5	Nguyễn Thị Mỹ Trinh và Lương Minh	Toàn bộ cuốn sách	Giấy xác nhận sử dụng sách phục vụ các

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	Chương trình giáo dục mầm non cho trẻ dân tộc thiểu số ở Việt Nam		ISBN: 978-604-3-24012-2 Giấy phép xuất bản: 112 LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 2/2/2021		Phương (đồng chủ biên)		chương trình đào tạo ngày 28/05/2025 của Trường đại học Hà Nội, ngày 11/6/2025 của Trường đại học Việt Nhật
5	Phát triển năng lực thích nghi với môi trường đa văn hoá cho sinh viên thuộc các chương trình đào tạo quốc tế ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản đại học sư phạm ISBN: 978-604-54-7220-0 Giấy phép xuất bản: 1278/QĐ-NXBĐHSP ngày 14/8/2023	6	Lương Minh Phương, Nguyễn Thị Mỹ Trinh và Trần Thị Lý (đồng chủ biên)	Toàn bộ cuốn sách	Giấy xác nhận sử dụng sách phục vụ các chương trình đào tạo ngày 28/05/2025 của Trường đại học Hà Nội, ngày 11/6/2025 của Trường đại học Việt Nhật
6	Graduate outcomes and a spatial approach to Decent Work.	TK	Chartered Association of Business Schools, 2022	5	Wall, T, Hindley, A, Foster, S, Luong, MP, Ho, THT and Ngo, N	Toàn bộ tài liệu	Giấy xác nhận sử dụng tài liệu phục vụ các chương trình đào tạo ngày 28/05/2025 của Trường đại học Hà Nội
7	Giáo dục Phổ thông Việt Nam: Chuyên biên và Sáng tạo	CK	Nhà xuất bản Dân trí, ISBN: 978-604-314-559-5 Giấy phép xuất bản: 289/QĐXB/NXDT ngày 3/3/2021	1	Dương Bích Hằng, Hoàng Anh Đức, Bùi Thị Minh Hồng	Chương 13. Phát triển khái niệm Năng lực dạy học đa văn hóa với trẻ dân tộc thiểu số: Nghiên cứu điển hình trên nhóm học sinh Mông ở Việt	Giấy xác nhận sử dụng sách phục vụ các chương trình đào tạo ngày 28/05/2025 của Trường đại học Hà Nội, ngày 11/6/2025 của Trường đại học Việt Nhật

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
						Nam”, từ Tr.209-239	
8	Những câu chuyện về bình đẳng giới	TK	Nhà xuất bản Hồng Đức, ISBN: 978-604-949-852-7 Số QĐXB: 0552/QĐ-NXBHĐ năm 2016	4	Lương Minh Phương, Nguyễn Văn Chiến, Trần Thị Thái Hà, Nguyễn Thị Thu Trang	* Chủ biên chính toàn bộ cuốn sách, * Đồng tác giả bài viết “Ngày Tết độc lập ở rẻo cao”, Tr. 37-44	Giấy xác nhận sử dụng chương sách phục vụ cho các chương trình đào tạo ngày 11/06/2025 của Trường đại học Việt Nhật
9	Những câu chuyện kể về kĩ năng sống và bảo đảm môi trường an toàn	TK	Nhà xuất bản Hồng Đức, ISBN: 978-604-949-853-4 Số QĐXB: 0553/QĐ-NXBHĐ năm 2016	7	Nguyễn Thị Thu Mai, Lương Minh Phương, Trần Thị Thái Hà, Trần Văn Hùng, Nguyễn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Thị Thu Trang	* Đồng chủ biên toàn bộ cuốn sách; * Tác giả của bài viết “Chai dầu gội đầu”, Tr.18-21	Giấy xác nhận sử dụng chương sách phục vụ cho các chương trình đào tạo ngày 11/06/2025 của Trường đại học Việt Nhật
10	Những câu chuyện kể về Quyền trẻ em ở các vùng khó khăn của tỉnh Lai Châu	TK	Nhà xuất bản Hồng Đức, ISBN: 978-604-949-855-8 Số QĐXB: 0555/QĐ-NXBHĐ năm 2016	4	Lương Minh Phương, Trần Thị Thái Hà, Đinh Thị Bích Loan, Nguyễn Thị Thu Trang	* Chủ biên chính của toàn bộ cuốn sách; * Tác giả của bài viết “Xấu hổ lắm, em không đi học đâu!”, Tr. 38-42; * Tác giả của bài viết “Kỳ nghỉ hè mơ ước”, Tr. 64-67	Giấy xác nhận sử dụng chương sách phục vụ cho các chương trình đào tạo ngày 11/06/2025 của Trường đại học Việt Nhật



TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
11	Văn hoá bản địa và trò chơi dân gian	TK	Nhà xuất bản Hồng Đức, ISBN: 978-604-949-856-5 Số QĐXB: 0556/QĐ-NXBHĐ năm 2016	4	Lương Minh Phương, Trần Văn Hùng, Trần Thị Thái Hà, Nguyễn Thị Thu Trang	* Chủ biên chính của toàn bộ cuốn sách; * Tác giả của bài viết “Chiếc váy của người Mông”, Tr. 7-9; * Đồng tác giả bài viết “Sự tích trò chơi ném Pao”, Tr. 31-33	Giấy xác nhận sử dụng chương sách phục vụ cho các chương trình đào tạo ngày 11/06/2025 của Trường đại học Việt Nhật
12	Những câu chuyện kể về kỹ năng phòng chống thiên tai	TK	Nhà xuất bản Hồng Đức, ISBN: 978-604-949-854-1 Số QĐXB: 0554/QĐ-NXBHĐ năm 2016	7	Nguyễn Thị Thu Mai, Lương Minh Phương, Trần Thị Thái Hà, Trần Văn Hùng, Nguyễn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Thị Thu Trang	Đồng chủ biên toàn bộ cuốn sách	Giấy xác nhận sử dụng chương sách phục vụ cho các chương trình đào tạo ngày 11/06/2025 của Trường đại học Việt Nhật

Trong đó: đồng chủ biên 02 sách chuyên khảo do NXB có uy tín xuất bản [STT 4, 5]; đồng tác giả 01 sách chuyên khảo do NXB có uy tín xuất bản [STT 3], tác giả chính của 02 chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản [STT 1, 2], tác giả chính của 01 chương sách do NXB có uy tín trong nước xuất bản [STT 7].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).



6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Giải pháp phát triển năng lực thích nghi với môi trường đa văn hoá cho sinh viên thuộc các chương trình đào tạo quốc tế	CN	B2021-NHF-03 (Đề tài cấp Bộ)	2021 - 2023	Biên bản Thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài NCKH ngày 28/11/2023. Xếp loại: Đạt
2	Thực trạng ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non ở khu công nghiệp, khu chế xuất tại Đà Nẵng	Thành viên chủ chốt (TVCC)	B2021-VKG-02 (Cấp Bộ)	2021-2023	Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, Đề tài KH&CN cấp Bộ ngày 19/7/2023 Xếp loại: Đạt
3	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trong bối cảnh hiện nay	TVCC	KHGD/16-20.ĐT.015 (nhiệm vụ cấp quốc gia)	2019 - 2022	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, SDK: 2022-52-0498/NS-KQNC ngày 20/5/2022 Xếp loại: Đạt
4	Tích hợp nội dung giáo dục đa văn hoá trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non vùng dân tộc thiểu số	TVCC	B2018-VKG-04 (cấp Bộ)	2018-2021	Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, Đề tài KH&CN cấp Bộ ngày 14/4/2021 Xếp loại: Đạt
5	Đánh giá thị trường lao động “Kỹ năng để thành công” [Labour market assessment “Skills to succeed” program]	CN	CON-VNM-HCM-2022-PR149856 (Cấp Viện)	2022 - 2024	Biên bản Thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài ngày 02/12/2024. Xếp loại: Đạt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
	Bài báo khoa học quốc tế							
1	Minority Status and Schooling of the Hmong in Vietnam	2	Chính	Hmong Studies Journal, ISSN 1091-1774	Tạp chí chuyên ngành được đưa vào hệ thống chỉ mục Academic Search Complete& ProQuest.	29	Vol. 14, (2013), 1-37.	2013
2	Conceptualizing quality education from the paradigm of recognition	2	Chính	Journal of Education and Practice, ISSN: 2222-288X	Tạp chí được đưa vào hệ thống chỉ mục EBSCO	14	5(18), 178-191	2014
3	Kulturunterschiede in der Erziehung – Vietnamesische Kinder zwischen Schule und Familie in Rostock [in English: Cultural differences in child education between school and family: A qualitative study on Vietnamese immigrants in Rostock]	2	Chính	Zeitschrift Südostasien für Politik • Kultur • Dialog, ISSN 1434-7067	Tạp chí chuyên ngành tiếng Đức được đưa vào hệ thống chỉ mục IBZ và IBR của Đức.	N/A	30(4), 2014, 11-12	2014

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II								
Sau khi được công nhận TS								
Bài báo khoa học quốc tế								
4.	Migration and Access to Quality Education of Left-behind Children in Vietnam	2	Chính	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Chuyển biến Kinh tế-xã hội và giáo dục", NXB Thế giới, ISBN: 978-604-77-2012-5		N/A		2015
5	Qualitative Analysis of Teaching and Learning Competencies: Video study of secondary classrooms in Vietnam	4		Oxford University and RISE Conference Proceedings		N/A	https://riseprgramme.org/sites/default/files/publications/RISE%20Annual%20Conference%20Report%202018_2.pdf	2018
6	Inequalities in Learning in Vietnam: Teachers' Beliefs About and Classroom Practices for Ethnic Minorities	4		RISE Working Paper Series 21/061		N/A	https://doi.org/10.35489/BSG-RISE-WP_2021/061	2021
7	Learning inequalities in Vietnam: Teachers' beliefs about and classroom practices for ethnic minorities	4		Compare: A Journal of Comparative and International Education, ISSN: 1469-3623	SCCI (Q1, IF2021 = 1,88)	17	53 (3), 399-416	2021
8	Inclusive policy-working with minority ethnic young people for Decent Work	5		The Journal of British Academy, ISSN: 2052-7217	SCI (Q2, IF2024 = 0.91)	N/A	https://www.thebritishacademy.ac.uk/publications/inclusive-policy-working-with-	2022

MR

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
							minority- ethnic- young- people-for- decent- work/	
9	Policy levers for empowering Decent Work	5		The Journal of British Academy, ISSN: 2052-7217	SCI (Q2, IF2024 = 0.91)	N/A	https://www.thebritishacademy.ac.uk/publication/s/policy-levers-for-empowering-decent-work/	2022
10	Policy interventions for minority ethnic young people and Decent Work	5		The Journal of British Academy, ISSN: 2052-7217	SCI (Q2, IF2024 = 0.91)	N/A	https://www.thebritishacademy.ac.uk/publication/s/policy-intervention-s-for-minority-ethnic-young-people-and-decent-work/	2022
11	Student Agency for Intercultural Adaptability in International Programs: Insights into Internationalisation at home in Vietnam.	6	Chính	International Journal of Intercultural Relations, ISSN: 1873-7552	SCCI (Q1, IF2024 = 2.8)	14	96, 101855	2023
12	'Decent work' as a higher education policy myopia: an ecosystem framework for policy making	5		Studies in Higher Education, ISSN: 1470-174X	SCCI (Q1, IF2023 = 3.7)	1	49 (12), 2396-2410	2024
13	The Spatialization of Decent Work and the role of Employability Empowerment for	7		PLOS ONE, ISSN: 1932-6203	SCCI (Q1, IF2023 = 2.9)	1	19(2): e0297487	2024

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Minority Ethnic Young People in Emerging Economies							
14	Relational empowerment for ethnic minority women in Vietnam: How do household and community/state relations matter?	7		Journal of Human Development and Capabilities, ISSN: 1945-2837	SCCI (Q1, IF2023 = 1.8)	2	25 (3), 426- 453	2024
15	Why do aspirations matter for empowerment?: Discrepancies between the A-WEAI domains and aspirations of ethnic minority women in Vietnam	7		World Development, ISSN: 1873-5991	SCCI (Q1, IF2023=5.4)	17	159, 106057	2022
16	Intercultural Adaptability Development for Students in Higher Education Internationalisation at home Programs in China and Korea.	6	Chính	Higher Education, Skills and Work- based Learning, ISSN: 2042-3896	SCI (Q2, 5- year IF2023 = 2.1; IF2023=1.9)	1	doi:10.1108 /HESWBL- 10-2023- 0284	2024
17	Global Education Monitoring Report on technology and education in Southeast Asia: Vietnam's case study on technology and education.	5		Global Education Monitoring Report, ED/GEMR/MRT/ 2023/SA/P1/11		3	https://doi.org/10.54676/GPDF6007	2023
	Bài báo khoa học trong nước							
18	Employability and influential factors for Vietnamese higher education graduates in the fourth Industrial Revolution [Triển vọng việc làm và các yếu tố ảnh hưởng cơ hội việc làm đối với sinh viên tốt	1	Chính	Proceedings of National Conference "Development of high-quality workforce in IT sector – Situation and Trends, ISBN		N/A	Chương 10, phần 2, Tr.114-133	2020

MR

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	nghiệp đại học ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0]			978-604-300-621- 6				
19	Developing high-quality human resources in Information Technology – Where are the solutions for Vietnam	2		Vietnam Journal of Educational Sciences, ISSN (e- ISSN): 3030-4490 Print ISSN: 2615- 8957		N/A	Vol. 01 June (2020)	2020
20	Conceptualizing Intercultural Adaptation Development in Students of International Training Programs in Higher Education	3	Chính	Vietnam Journal of Educational Sciences, ISSN (e- ISSN): 3030-4490 Print ISSN: 2615- 8957		4	17(01), 12- 34	2021
21	Solutions to students' intercultural adaptability in internationalized programs of Vietnamese Universities	5	Chính	Vietnam Journal of Educational Sciences, ISSN (e- ISSN): 3030-4490 Print ISSN: 2615- 8957		N/A	18(3), 30-43	2022
22	Practice of green skills training at higher education towards green growth of Vietnam	5	Chính	Vietnam Journal of Educational Sciences, ISSN (e- ISSN): 3030-4490 Print ISSN: 2615- 8957		N/A	3(20), 15- 23	2024
23	Kết quả học tập của trẻ tiểu học thuộc gia đình công nhân di cư tới các khu công nghiệp và một số yếu tố ảnh hưởng bên ngoài – Kết quả nghiên cứu định tính	5		TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 2734-9098		N/A	229 (12), 424-431	2024
24	Conceptualizing teacher agency for culturally responsive teaching in international programs at the higher education levels	1	Chính	Vietnam Journal of Educational Sciences, ISSN (e- ISSN): 3030-4490 Print ISSN: 2615- 8957		3	20 (1), 61- 71	2024
25	Culturally Responsive Teaching in Vietnam's International Higher	1	Chính	Vietnam Journal of Educational		N/A	20(4), 47- 58	2024

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Education: Where Do We Stand?			Sciences, ISSN (e- ISSN): 3030-4490 Print ISSN: 2615- 8957				
26	Teachers' Perceptions on Culturally Responsive Teaching in International Programs in Vietnamese Higher Education	4	Chính	Vietnam Journal of Education, ISSN: 2588-1477		N/A	9(1), 76-84	2025
27	Culturally Responsive Teaching Practice in Japanese Universities: A scoping review.	1	Chính	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 2734-9098		N/A	230(04), 332-342	2025
28	Những rào cản trong nghiên cứu thực địa và tầm quan trọng của năng lực văn hoá với sinh viên tham gia chương trình trao đổi tại các trường đại học Việt Nam	1	Chính	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, ISSN (e- ISSN): 3030-4490 Print ISSN: 2615- 8957		N/A	21(S1), 16-23	2025
29	Xây dựng khung năng lực văn hoá trong dạy học: Nghiên cứu trường hợp Đại học Hà Nội	1	Chính	Tạp chí Giáo dục Việt Nam, ISSN: 2354-0753		N/A	25 (Số đặc biệt 5)	2025
30	Năng lực số và tiếp cận việc làm phù hợp của thanh niên dân tộc thiểu số tại Việt Nam	4	Chính	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 2734-9098		N/A	230(12), 66-74	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 02 ([11], [16]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS.

MR

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đề án mở mã ngành đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh trình độ đại học ngành Quốc tế học, Chương trình đào tạo “Đổi mới và Phát triển toàn cầu”	Chủ trì	Quyết định thành lập Ban xây dựng đề án số 1270/QĐ-ĐHVN ngày 20/11/2024;	Trường đại học Việt Nhật (Đại học Quốc gia Hà Nội)	Quyết định về việc mở ngành và giao nhiệm vụ đào tạo số 2105/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/4/2025	
2	Đề án mở mã ngành đào tạo Thạc sỹ Chính sách công của Trường Đại học Hà nội	Tham gia	Quyết định thành lập Ban xây dựng đề án số 275/QĐ-ĐHHN ngày 08/02/2018	Trường Đại học Hà Nội	Quyết định phê duyệt đề án mở ngành đào tạo và ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ ngành Chính sách công số 310/QĐ-ĐHHN ngày 22/2/2019	
3	Đề án mở Chương trình đào tạo đại học ngành Nghiên cứu phát triển giảng dạy bằng tiếng Anh thuộc Khoa Quốc tế học của Trường đại học Hà Nội.	Tham gia	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Ban thực hiện đề án mở ngành đào tạo nghiên cứu phát triển, trình độ đại học, hệ chính quy số 1378/QĐ-ĐHHN, ngày 17/6/2019	Trường Đại học Hà Nội	Quyết định phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo và ban hành Chương trình đào tạo ngành Nghiên cứu phát triển, trình độ đại học, hệ chính quy số 218/QĐ-ĐHHN ngày 14/2/2020	Biên bản Hội đồng thẩm định thông qua Đề án mở ngành đào tạo Nghiên cứu phát triển, trình độ đại học, hệ chính quy ngày 7/2/2020.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không áp dụng

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không.

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2022-2023/52,5 giờ;

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2022-2023/65 giờ.

Đề xuất bù bằng điểm công trình khoa học quy đổi theo Quy định khoản 3 và 8, Điều 6 của Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: Không áp dụng

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: Không

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chương sách xuất bản quốc tế (5.II.2)

Luong, M.P., Tran, T.L., & Nguyen, T.T.H. (2023). Student agency and becoming in internationalized programs in Vietnamese universities (Chapter 5). In Y. I. Oldac, L. Yang & S. Lee (Eds.), *Student Agency and Self-formation in Higher Education*, pp.117-142. Palgrave Macmillan.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: Không áp dụng
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: Không áp dụng

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Lương Minh Phương